TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/01/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2000 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 32/2, khu phố AH, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Thanh S, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn CN, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/5/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Vào năm 2017 chị T và anh Phạm Văn Thanh S qua quen biết và tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chánh Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/11/2018, theo giấy chứng nhận kết hôn số 50. Vợ chồng

chung sống có 01 con chung tên Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2018 hiện cháu đang sống chung với chị T.

Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại khu phố An Hội, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Đến đầu năm 2019, chị T và anh S về nhà cha mẹ chồng ở Khóm 3, thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn kéo dài vẫn không khắc phục được, nên đến tháng 6/2019 chị T và cháu Trọng về nhà cha mẹ ruột ở khu phố An Hội, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh sinh sống và ly thân kể từ đó cho đến nay và không có đoàn tụ trở lại.

Nay chị T cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, ly thân đã lâu, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn Thanh S.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2018, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã thông báo cho bị đơn anh Phạm Văn Thanh S biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của chị T. Nhưng anh S không có văn bản trả lời và vắng mặt tại tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời đều vắng mặt tại các phiên tòa mặc dù đã được tống đạt triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và hòa giải cho các đương sự được.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: cho chị T được ly hôn với anh S.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2018 cho chị Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; quá trình tiến hành tố tụng xét xử vụ án, mặc dù đã được triệu tập tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét, giữa chị T và anh S chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chánh Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hợp pháp. Chị T cho rằng trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên chị T và anh S đã ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do, anh S không đến phiên tòa, thể hiện anh S đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Điều này cũng chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2018; xét cháu T hiện do chị T nuôi dưỡng, cháu vẫn phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, yêu cầu của chị T là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát huyện Mang Thít là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T.

1. Về hôn nhân: Cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn Thanh S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2018 cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

4. Về quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số: 0006782, ngày 15/3/2021. Nguyên đơn không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- UBND thị trấn Cái Nhum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Bích